

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DÀ HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhA dA:*

Ông Huỳnh Đức Tâm

Bà Trần Ngọc Diệu

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Kiến Hoà – Thư ký Tòa án nhA dA huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2024 tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 588/2023/TLST – HNGĐ ngày 18/12/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1996; địa chỉ: số 116/1, tổ 5, khu phố 2A, phường TA Thới Hiệp, quận 12, thành phố H (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1992; địa chỉ: số 129, ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V trình bày:

Chị và anh A tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhA dA phường TA Thới Hiệp, quận 12, thành phố H vào ngày 07/10/2014. Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm nên hai bên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thA từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thA, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Hiện hai bên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhA không thể tiếp tục và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh A. Con chung là Nguyễn Thị Ngọc T sinh

ngày 02/4/2015 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hoàng A vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm V.

** Tại phiên tòa:*

Chị Trần Thị Cẩm V vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Hoàng A vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dA sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phA công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dA sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuA theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dA sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn chị V đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dA sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn anh A không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dA sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhA và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhA: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm V. Chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 02/4/2015 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị V không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con. Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhA, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhA và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn chị V vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh A mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị V và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường TA Thới Hiệp, quận 12, thành phố H vào ngày 07/10/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly hôn từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly hôn, cả hai vẫn không thể hòa giải và hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, chị V xác định hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh A mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 02/4/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị V và anh A sống ly hôn cho đến nay, cháu T do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến ngày 18/01/2024, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, anh A cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị V tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị V khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị V phải nộp số T là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

2/- Con chung: Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 02/4/2015.

Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 02/4/2015 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị V tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Về tài sản chung, nợ chung: chị V khai không có nên không xem xét giải quyết.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Trần Thị Cẩm V phải nộp số T là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002648 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị V đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND phường TA Thới Hiệp,
- (Q. 12, Tp. H;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu.

Đặng Thị Ngọc Duyên

